

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Dự toán mua sắm: Mua sắm nhu yếu phẩm phục vụ chế độ phạm nhân 6 tháng đầu năm 2026 tại Trại giam Tổng Lê Chân

Tên gói thầu: Mua sắm nhu yếu phẩm phục vụ chế độ phạm nhân 6 tháng đầu năm 2026 tại Trại giam Tổng Lê Chân.

Nguồn vốn: Nguồn Ngân sách nhà nước (chi thường xuyên)

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Thời gian thực hiện: 6 tháng

Địa điểm thực hiện dự án: Trại giam Tổng Lê Chân

Qui mô: Mua sắm tài sản, trang thiết bị tài sản.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Nhà thầu phải cam kết hàng hóa dự thầu mới 100%, đóng gói theo tiêu chuẩn nhà sản xuất và được sản xuất ít nhất 12 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hóa.

- Hàng hóa có nhãn mác, ký mã hiệu sản phẩm rõ ràng và đảm bảo đã đăng ký/ công bố ra thị trường theo quy định hiện hành.

- Từng loại hàng hóa cung cấp phải có các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng sản xuất, đáp ứng về độ an toàn sử dụng không có những chất độc hại (kèm đầy đủ tài liệu chứng minh) như sau:

▪ Kem đánh răng:

Nhà sản xuất đạt chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương;

Có giấy công bố sản phẩm mỹ phẩm được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền;

Chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn đánh giá GMP hoặc tương đương;

Sản phẩm cung cấp phải phù hợp tiêu chuẩn ISO 13485:2016 cho lĩnh vực sản phẩm trang thiết bị y tế.

▪ Bàn chải đánh răng:

Được sản xuất từ nhà sản xuất đạt chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương;

Sản phẩm từ các đơn vị sản xuất có giấy chứng nhận đạt điều kiện sản xuất mỹ phẩm của Sở Y Tế cấp;

Có giấy công bố sản phẩm mỹ phẩm được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền;

Sản phẩm cung cấp phải phù hợp tiêu chuẩn ISO 13485:2016 cho lĩnh vực sản phẩm trang thiết bị y tế.

Chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn đánh giá GMP hoặc tương đương.

▪ Dầu gội đầu:

Nhà sản xuất đạt chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương;

Sản phẩm từ các đơn vị sản xuất có giấy chứng nhận đạt điều kiện sản xuất mỹ phẩm của Sở Y Tế cấp;

Sản phẩm cung cấp phải phù hợp tiêu chuẩn ISO 13485:2016 cho lĩnh vực sản phẩm trang thiết bị y tế.

Xà phòng giặt:

Nhà sản xuất đạt chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương;

Sản phẩm từ các đơn vị sản xuất có giấy chứng nhận đạt điều kiện sản xuất mỹ phẩm của Sở Y Tế cấp;

Sản phẩm cung cấp phải phù hợp tiêu chuẩn ISO 13485:2016 cho lĩnh vực sản phẩm trang thiết bị y tế.

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật thiết bị trong E-HSMT nêu ra là yêu cầu tối thiểu, nhà thầu có thể chào thiết bị có chỉ tiêu kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn. Nhà thầu phải lập bảng so sánh đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hóa giữa E-HSMT và E-HSDT và kèm tài liệu đáng tin cậy để chứng minh.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

STT	Nội dung	ĐVT	Thông số kỹ thuật
A	Bàn chải đánh răng		
1	Hình dạng		Dạng cây, bàn chải không gây hại đến sức khỏe người sử dụng và không ảnh hưởng đến môi trường

2	Cán bàn chải		Nhựa PP, bề mặt sạch, ngoại hình trơn, bóng, không có tạp chất, không có các vết nứt và nổi bong bóng không được lớn hơn 1mm ² . Cán bàn chải không được có bavia có thể gây tổn thương đến cơ thể con người.
3	Lông bàn chải		Sợi Tynex đều, thẳng, khóm lông dày, khoảng cách lông vừa phải, vết xơ lông không được phép hướng về đầu bàn chải, bề mặt lông sạch.
4	Đóng gói		Hàng mới 100%; 01 bàn chải được đóng trong 01 túi bóng kín hoặc vật liệu bao bì khác để đảm bảo chất lượng sản phẩm.
5	Chiều dài	Mm	170 – 200
6	Chiều rộng phần cầm lông	Mm	12 – 14
7	Chiều cao trung bình của sợi lông	Mm	9 – 11
8	Số sợi lông trong một lỗ		22 – 30
9	Số lỗ cầm sợi lông		35 – 45
10	Đường kính lông bàn chải	Mm	0,12 – 0,17
11	Lực kéo nhóm lông	Kgf	>1,5
B	Kem đánh răng		
1	Ngoại quan		
2	Hình dạng bên ngoài		Thế kem đồng nhất, bóng mịn, không vón cục, không tách nước, không có các tạp chất khác.
3	Mùi		Thơm nhẹ, dễ chịu, đặc trưng cho từng loại sản phẩm.
4	Vị		Cay nhẹ, hơi ngọt hoặc hơi mặn, không được có vị lạ.
5	Màu sắc		Đồng đều, đặc trưng cho từng loại sản phẩm.
6	Đóng gói		Sản phẩm đóng gói trọng lượng 150g/tuýp
	Các chỉ tiêu vệ sinh và an toàn		
7	Độ pH của dung		< 7,0 – 9,0

	dịch 2%		
8	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì)	ppm	< 3
9	Hàm lượng asen	ppm	< 2
	Các tiêu chí hóa lý		
10	Tính ổn định ở điều kiện nhiệt độ 40, 45oC trong 48 giờ		Thể kem phải đồng đều, bóng mịn bóp thành thoi mềm, có lỗ thoát bọt, không bị khô, không chảy nước, giữ được mùi thơm tự nhiên đặc trưng.
11	Hàm lượng glycerin	%	< 15
12	Hàm lượng nước	%	40 – 50
13	Hàm lượng cacbonat, tính theo canxi cacbonat	%	> 30
14	Thể tích cọt bọt của dung dịch 1%, tính bằng ml	%	> 200
15	Hạn sử dụng	%	Ít nhất 12 tháng kể từ ngày bàn giao nhu yếu phẩm
C	Đầu gói		
	Về cảm quan		
1	Mô tả hình dạng		Lỏng sánh, đồng nhất, không tách lớp, phân tầng và kết tủa khi biến đổi nhiệt độ nhỏ hơn 100oC và lớn hơn 450c
2	Đóng gói		Sản phẩm đóng dung tích 200ml/chai
3	Màu		Trắng
4	Mùi		Dễ chịu, đặc trưng
5	Thành phần		Nước, màu, mùi thơm (hương liệu), HEC, CMC, Zarum261, CDE, P7, P47, CAB, Silicon, Glycerine, Sodium, Sorbitol, Lauryl ether, Sunfate, Ete,.... Các phụ gia khác với hàm lượng vừa đủ
	Thông số kỹ thuật		
6	pH		4 – 8
7	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt	%	< 10
8	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì)	Mg/kg	< 2
9	Hàm lượng Asen	Mg/kg	< 1
10	Độ kích ứng da		Không đáng kể

11	Vi khuẩn và nấm mốc		
12	Vi khuẩn staphylococcus aureus, candida albicans và pseudomonas aeruginosa		Không được phép
13	Tổng số nấm mốc sống lại được	số lượng/gam mẫu	< 100
14	Tổng số vi khuẩn hiếu khí sống lại được	số lượng/gam mẫu	< 1000
15	Tổng số Enterobacteria và các vi khuẩn Gram âm khác	số lượng gam/mẫu	< 10
16	Độ phân huỷ sinh học	%	> 90
17	Quy cách đóng gói	Chai	200ml/chai
18	Hạn sử dụng		Ít nhất 12 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hóa
D Xà phòng			
1	Trạng thái		Hỗn hợp đồng nhất ở dạng bột hoặc hạt, tơi xốp, không vón cục
2	Màu		Màu trắng hoặc cho phép điểm các hạt phụ gia xanh nhạt hoặc màu
3	Mùi		Có mùi thơm dễ chịu, đặc trưng theo từng loại sản phẩm, không có mùi hôi, chua của mỡ bị phân huỷ.
4	Đóng gói		Túi đựng: Màng PE Sản phẩm đóng gói trọng lượng 300g/gói
Tiêu chuẩn kỹ thuật			
5	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt	%	> 20

6	pH của dung dịch bột giặt 1% trong nước	%	9 – 12
7	Hàm lượng phốt pho (theo P2O5)	%	> 5
8	Hàm lượng chất không tan trong nước (ở 25oC)	%	< 3
9	Hàm lượng nước và các chất bay hơi	%	< 12
10	Độ phân hủy sinh học	%	> 90
11	Quy cách đóng gói	Túi	300g/túi
12	Hạn sử dụng		Ít nhất 12 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hóa

1.3. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải cam kết:

- Cam kết có đủ điều kiện kinh doanh hàng hóa như yêu cầu của E-HSMT.
- Sẵn sàng thay thế hàng hóa khi hết hạn sử dụng và thực hiện thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo sử dụng do lỗi nhà sản xuất.
- Sản phẩm phải mới 100%, không sử dụng lại, không tân trang
- Hàng được giao tận nơi đơn vị thụ hưởng.
- Bao bì còn nguyên vẹn, không rách nát, không ẩm mốc, không biến dạng.
- Không được giao hàng cận date; hạn sử dụng ít nhất 12 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hóa.
- Sản phẩm giao trong từng đợt phải đồng nhất về màu sắc, hình dạng, chất lượng và thông số kỹ thuật.
- Không giao lẫn các lô sản xuất có khác biệt về thiết kế, bao bì hoặc thành phần nếu không được chủ đầu tư chấp thuận.
- Nhà thầu cam kết sẵn sàng đổi hàng không đáp ứng chất lượng trong vòng 2 giờ khi chủ đầu tư yêu cầu nếu không thực hiện đúng theo cam kết nhà thầu phải bồi thường trên thiệt hại thực tế và phạt vi phạm hợp đồng
- Nhà thầu phải có các phương án xử lý nếu xảy ra sự cố. Có cam kết chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại đối với phần sự cố mà nguyên nhân do lỗi của nhà thầu.
- Nhà thầu phải lập bảng so sánh tính đáp ứng thông số kỹ thuật giữa hàng hoá chào thầu và thông số kỹ thuật yêu cầu của E-HSMT.

- Nếu có nghi ngờ về chất lượng hàng hoá khi giao hàng nhà thầu cam kết chi trả tất cả các chi phí phát sinh khi chủ đầu tư lấy mẫu và kiểm tra.

- Giá trị Hàng hóa đã bao gồm chi phí vận chuyển chi phí lắp đặt, bảo hành bảo trì theo tiêu chuẩn nhà sản xuất đến nơi sử dụng và các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định chính sách miễn, giảm thuế của Chính phủ.

- Catalogue của nhà sản xuất hoặc tài liệu kỹ thuật của chính hãng của hàng hóa phải thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật, kích thước, kiểu dáng và hình ảnh thực tế của hàng hóa dự thầu (nếu không phải bằng tiếng Việt thì phải kèm bản dịch sang tiếng Việt).

- Nhà thầu phải cung cấp hàng hoá và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo đúng tiến độ thực hiện nêu trong E-HSMT.

Mục 2. Bản vẽ

Không yêu cầu.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm, kiểm nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì theo thứ tự ưu tiên; một là Chủ đầu tư có quyền từ chối và hủy hợp đồng; hai là cho phép nhà thầu thay thế bằng hàng hóa khác để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật; ba là Chủ đầu tư có quyền mua tại đơn vị cung cấp khác đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật có thể giá cao hơn, mọi chi phí phát sinh bên nhà thầu chịu